Phụ lục I

BIỂU TỔNG HỢP ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THỰC HIỆN DỰ ÁN 1, DỰ ÁN 4 THUỘC NGUỒN VỐN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI NĂM 2022, 2023, 2024

(Kèm theo Nghị quyết số 29/NQ-HĐND ngày 16 tháng 10 năm 2024 của HĐND huyện Mai Sơn)

Đơn vị tính: Triệu đồng

Stt	Nội dung dự án	Kế hoạch vốn năm 2022, 2023 chuyển nguồn sang năm 2024 và kế hoạch vốn năm 2024				Kế hoạch vốn điều chỉnh								Kế hoạch vốn sau điều chỉnh				Ghi chú
			Dự án 1		Dự án 4	Điều chỉnh giảm				Điều chỉnh tăng								
							Dự án 1		Dự án 4		Dự án 1		Dự án 4		Dự án 1		Dự án 4	
		Tổng cộng	Nội dung 1 (Hỗ trợ đất ở)	Nội dung 4 (NSH tập trung)	Tiểu Dự án 1	Tổng cộng	Nội dung 1 (Hỗ trợ đất ở)	Nội dung 4 (NSH tập trung)	Tiểu Dự án 1	Tổng cộng	Nội dung 1 (Hỗ trợ đất ở)	Nội dung 4 (NSH tập trung)	Tiểu Dự án 1	Tổng cộng	Nội dung 1 (Hỗ trợ đất ở)	Nội dung 4 (NSH tập trung)	Tiểu Dự án 1	
	Tổng cộng	**48.534,92**	**2.200,00**	**5.126,25**	**41.208,67**	**3.075,35**	**1.960,00**	**1.115,35**	**-**	**-**	**-**	**-**	**3.075,35**	**48.534,92**	**240,00**	**4.010,90**	**44.284,02**	**Chi tiết tại Phụ lục I.1**
I	**Năm 2022 kéo dài sang năm 2024**	**560,00**	**560,00**	**-**	**-**	**480,00**	**480,00**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**480,00**	**560,00**	**80,00**	**-**	**480,00**	
1	**UBND các xã vùng dự án**	**560,00**	**560,00**	**-**	**-**	**480,00**	**480,00**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**80,00**	**80,00**	**-**	**-**	
2.1	Chiềng Lương	160,00	160,00			120,00	120,00		-				-	40,00	40,00	-	-	
2.2	Chiềng Ve	80,00	80,00			80,00	80,00		-				-	-	-	-	-	
2.3	Nà Ớt	80,00	80,00			80,00	80,00		-				-	-	-	-	-	
2.4	Chiềng Nơi	80,00	80,00			80,00	80,00		-				-	-	-	-	-	
2.5	Tà Hộc	160,00	160,00			120,00	120,00							40,00	40,00	-	-	
2	**Ban Quản lý dự án ĐTXD và Tái định cư**	**-**				**-**							**480,00**	**480,00**	**-**	**-**	**480,00**	
II	**Năm 2023 kéo dài sang năm 2024**	**3.223,92**	**1.040,00**	**402,25**	**1.781,67**	**1.282,25**	**880,00**	**402,25**	**-**	**-**	**-**	**-**	**1.282,25**	**3.223,92**	**160,00**	**-**	**3.063,92**	**-**
1	**UBND các xã vùng dự án**	**1.040,00**	**1.040,00**	**-**	**-**	**880,00**	**880,00**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**160,00**	**160,00**	**-**	**-**	
1.1	Phiêng Cằm	280,00	280,00			120,00	120,00							160,00	160,00	-	-	
1.2	Chiềng Kheo	160,00	160,00			160,00	160,00							-	-	-	-	
1.3	Chiềng Dong	160,00	160,00			160,00	160,00							-	-	-	-	
1.4	Phiêng Pằn	240,00	240,00			240,00	240,00							-	-	-	-	
1.5	Chiềng Mai	200,00	200,00			200,00	200,00							-	-	-	-	
2	**Ban Quản lý dự án ĐTXD và Tái định cư**	**2.183,92**		**402,25**	**1.781,67**	**402,25**		**402,25**					**1.282,25**	**3.063,92**	**-**	**-**	**3.063,92**	
2.1	Công trình nước sinh hoạt bản Mờn 1, Mờn 2 xã Chiềng Lương			107,89				107,89						-	-	-	-	
2.2	Công trình nước sinh hoạt liên bản xã Chiềng Mai			294,36				294,36						-	-	-	-	

Stt	Nội dung dự án	Kế hoạch vốn năm 2022, 2023 chuyển nguồn sang năm 2024 và kế hoạch vốn năm 2024				Kế hoạch vốn điều chỉnh								Kế hoạch vốn sau điều chỉnh				Ghi chú
			Dự án 1		Dự án 4	Điều chỉnh giảm				Điều chỉnh tăng								
							Dự án 1		Dự án 4		Dự án 1		Dự án 4		Dự án 1		Dự án 4	
		Tổng cộng	Nội dung 1 (Hỗ trợ đất ở)	Nội dung 4 (NSH tập trung)	Tiểu Dự án 1	Tổng cộng	Nội dung 1 (Hỗ trợ đất ở)	Nội dung 4 (NSH tập trung)	Tiểu Dự án 1	Tổng cộng	Nội dung 1 (Hỗ trợ đất ở)	Nội dung 4 (NSH tập trung)	Tiểu Dự án 1	Tổng cộng	Nội dung 1 (Hỗ trợ đất ở)	Nội dung 4 (NSH tập trung)	Tiểu Dự án 1	
III	**Năm 2024**	**44.751,00**	**600,00**	**4.724,00**	**39.427,00**	**1.313,10**	**600,00**	**713,10**	**-**	**-**	**-**	**-**	**1.313,10**	**44.751,00**	**-**	**4.010,90**	**40.740,10**	
1	**Nguồn vốn chưa phân bổ chi tiết**	**713,10**		**713,10**		**713,10**		**713,10**						**-**				
2	**UBND xã Chiềng Ve**	**600,00**	**600,00**			**600,00**	**600,00**							**-**				
3	**Ban Quản lý dự án ĐTXD và Tái định cư**	**43.437,90**		**4.010,90**	**39.427,00**	**-**							**1.313,10**	**44.751,00**	**-**	**4.010,90**	**40.740,10**	

Ghi chú:

HĐND huyện đã phê duyệt tại các Nghị quyết: Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 26/9/2022 về phê duyệt phương án phân bổ vốn ngân sách Nhà nước năm 2022 thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia; Nghị quyết số 23/NQ-HĐND ngày 15/12/2022 về kế hoạch đầu tư công vốn ngân sách Nhà nước năm 2023; Nghị quyết số 07/NQ-HĐND ngày 20/6/2023 phân bổ kế hoạch đầu tư công vốn đầu tư phát triển nguồn vốn ngân sách Nhà nước năm 2023 thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia (các dự án khởi công mới năm 2023); Nghị quyết số 49/NQ-HĐND ngày 14/12/2023 về kế hoạch đầu tư công vốn ngân sách nhà nước năm 2024; UBND huyện, UBND các xã thực hiện chuyển nguồn sang năm 2024 theo quy định của Luật Ngân sách Nhà nước

Phụ lục I.1

ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG DỰ ÁN 4 - TIỂU DỰ ÁN 1: ĐẦU TƯ CƠ SỞ HẠ TẦNG THIẾT YẾU PHỤC VỤ SẢN XUẤT ĐỜI SỐNG TRONG VÙNG ĐỒNG BÀO DTTS&MN

(Kèm theo Nghị quyết số 29/NQ-HĐND ngày 16 tháng 10 năm 2024 của HĐND huyện Mai Sơn)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm	Quy mô	Thời gian khởi công - hoàn thanh	Số Quyết định ngày, tháng, năm	Quyết định đầu tư			Lũy kế vốn đã phân bổ đến ngày 30/9/2024	Lũ kế KLHT đến hết năm 30/9/2024	Lũy kế vốn giải ngân đến 30/9/2024	Nhu cầu vốn thiếu để hoàn thành dự án	Kế hoạch vốn điều chỉnh tăng	Kế hoạch vốn sau điều chỉnh	Ghi chú
							Tổng vốn	Tổng mức đầu tư								
								Vốn đầu tư ngân sách TW	Vốn nhân dân đóng góp							
	Tổng cộng						**9.560,00**	**9.080,00**	**480,00**	**5.353,88**	**8.716,68**	**5.353,88**	**3.362,81**	**3.075,35**	**8.429,23**	
1	Công trình Nhà văn hóa bản Lọ Dên, xã Nà Ớt	BQLDA ĐTXD & TĐC	Xã Nà Ớt	162m2	2024-2025	3796 - 24/11/2023	1.000,00	950,00	50,00	475,00	912,82	475,00	437,82	437,82	912,82	
2	Công trình Nhà Văn hóa bản Nà Pồng - Pá Po, Phiêng Pằn	Ban Quản lý DA ĐTXD và TĐC	Xã Phiêng Pằn	174m2	2024-2025	3792 - 24/11/2023	1.000,00	950,00	50,00	475,00	944,68	475,00	469,68	469,68	944,68	
3	Đường nội bản bản Nghịu Cọ xã Chiềng Dong	BQLDA ĐTXD & TĐC	Xã Chiềng Dong	L=0,5km	2024-2025	3818 - 28/11/2023	1.000,00	950,00	50,00	475,00	844,96	475,00	369,96	369,96	844,96	
4	Công trình Thủy lợi bản Cuộm Sơn, Dăm Hoa, xã Chiềng Mai	BQLDA ĐTXD & TĐC	Xã Chiềng Mai	941,08m	2024-2025	3798 - 24/11/2023	1.060,00	1.005,00	55,00	502,50	978,93	502,50	476,43	476,43	978,93	
5	Công trình nhà văn hóa bản Ít Hò, xã Chiềng Chung	BQLDA ĐTXD & TĐC	Xã Chiềng Chung	150m2	2024-2025	3789- 23/11/2023	1.000,00	950,00	50,00	475,00	901,88	474,99	426,89	426,89	901,89	
6	Công trình Nhà Văn hóa bản Co Sâu, xã Chiềng Mai	BQLDA ĐTXD & TĐC	Xã Chiềng Mai	162m2	2024-2025	3782 - 23/11/2023	1.000,00	950,00	50,00	680,29	912,29	680,29	232,00	232,00	912,29	
7	Công trình Đường giao thông từ QL4G - bản Lọ Dên (Huổi Dên), xã Nà Ớt	BQLDA ĐTXD & TĐC	Xã Nà Ớt	L=2240,91 m	2024-2025	3807 - 24/11/2023	3.500,00	3.325,00	175,00	2.271,09	3.221,12	2.271,09	950,03	662,57	2.933,66	

Phụ lục II

ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THỰC HIỆN DỰ ÁN 4 - TIỂU DỰ ÁN 1: ĐẦU TƯ CƠ SỞ HẠ TẦNG THIẾT YẾU PHỤC VỤ SẢN XUẤT ĐỜI SỐNG TRONG VÙNG ĐỒNG BÀO DTTS&MN NGUỒN VỐN NĂM 2022, 2023 SANG 2024

(Kèm theo Nghị quyết số 29/NQ-HĐND ngày 16 tháng 10 năm 2024 của HĐND huyện Mai Sơn)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm	Quy mô	Thời gian khởi công - hoàn thành	Số Quyết định ngày, tháng, năm	QĐ đầu tư			Lũy kế vốn đã giao	Lũ kế KLHT đến hết ngày 20/9/2024	Lũy kế vốn giải ngân đến 20/9/2024	Kế hoạch vốn năm trước chuyển sang chưa giải ngân	Dự kiến tiếp tục giải ngân kế hoạch vốn còn	Nhu cầu vốn thiếu để hoàn thành dự án	Kế hoạch vốn điều chỉnh		Kế hoạch vốn sau điều chỉnh	Ghi chú
							Tổng vốn	Tổng mức đầu tư								Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng		
								Vốn đầu tư ngân sách TW	Vốn nhân dân đóng góp										
	Tổng cộng						**5.752,28**	**5.635,80**	**116,48**	**4.404,89**	**1.438,63**	**2.271,09**	**235,03**	**-**	**287,46**	**235,03**	**235,03**	**4.404,89**	
I	**Kế hoạch vốn năm 2022 kéo dài sang năm 2024**						**1.758,51**	**1.667,31**	**91,21**	**1.665,30**	**1.438,63**	**-**	**226,67**	**-**	**-**	**226,67**	**-**	**1.438,63**	
1	Công trình kênh mương tưới tiêu cho đồng ruộng bản Vựt Bon, xã Chiềng Mai	UBND xã Chiềng Mai	Xã Chiềng Mai	5 ha	2022-2023	2367/QĐ-UBND ngày 31/10/2022	358,55	340,47	18,07	340,50	305,75		34,75			34,75		305,75	Hết nhiệm vụ chi
2	Nhà VH bản Pa Đin,xã Chiềng Dong	UBND xã Chiềng Dong	Xã Chiềng Dong	13 hộ; 71 m2	2022-2023	2486/QĐ-UBND ngày 18/11/2022	500,00	473,4	26,57	473,40	434,57		38,83			38,83		434,57	
3	Công trình kênh mương tưới tiêu cho đồng ruộng bản Khiềng, xã Chiềng Ve	UBND xã Chiềng Ve	Xã Chiềng Ve	3 ha	2022-2023	2489/QĐ-UBND ngày 21/11/2022	400,00	380,00	20,00	380,00	271,49		108,51			108,51		271,49	
4	Công trình đường nội bản Toang Tài B, xã Chiềng Chăn	UBND xã Chiềng Chăn	Xã Chiềng Chăn	0,3814 km	2022-2023	2378/QĐ-UBND ngày 02/11/2022	499,97	473,41	26,56	471,40	426,83		44,57			44,57		426,83	
II	**Kế hoạch vốn năm 2023 kéo dài sang năm 2024**						**493,77**	**468,49**	**25,28**	**468,50**		**-**	**8,37**	**-**	**-**	**8,37**	**-**	**460,13**	
1	Đường nội bản Nậm Luống xã Chiềng Chăn	UBND xã Chiềng Chăn	Xã Chiềng Chăn	0,814 km	2023-2024	87/QĐ-UBND ngày 16/6/2023	493,77	468,49	25,28	468,50	460,13		8,37			8,37		460,13	Hết nhiệm vụ chi
III	**Danh mục dự án điều chỉnh tăng**						**3.500,00**	**3.500,00**	**-**	**2.271,09**		**2.271,09**	**-**	**-**	**287,46**	**-**	**235,03**	**2.506,12**	
1	Công trình Đường giao thông từ QL4G - bản Lọ Dên (Huổi Dên), xã Nà Ớt	BQLDA ĐTXD & TĐC	Xã Nà Ớt	L=2240,91m	2024-2025	3807 - 24/11/2023	3.500,00	3.500,00		2.271,09	3.221,12	2.271,09			287,46		235,03	2.506,12	Điều chỉnh cho công trình có khối lượng hoàn thành nhưng đang thiếu vốn

Ghi chú: HĐND huyện quyết nghị tại Nghị quyết số 18/NQ-HĐND ngày 22/11/2022; Nghị quyết số 07/NQ-HĐND ngày 20/6/2023 của HĐND huyện Mai Sơn;
UBND các xã thực hiện chuyển nguồn sang năm 2024 theo quy định của Luật Ngân sách Nhà nước

Phụ lục III

ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THỰC HIỆN DỰ ÁN 6, THUỘC NGUỒN VỐN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI NGUỒN NĂM 2023, 2024

(Kèm theo Nghị quyết số 29/NQ-HĐND ngày 16 tháng 10 năm 2024 của HĐND huyện Mai Sơn)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm	Thời gian KC - HT	Quyết định đầu tư		Kế hoạch giao	Kế hoạch vốn điều chỉnh		Kế hoạch vốn sau điều chỉnh	Ghi chú
					Số Quyết định ngày, tháng, năm	TMĐT		Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng		
	Tổng cộng					**698,00**	**705,00**	**279,00**	**279,00**	**705,00**	
1	**Trung tâm Truyền thông - Văn hóa**						**286,00**	**279,00**		**7,00**	**Kế hoạch vốn giao năm 2023 kéo dài sang năm 2024**
2	**UBND xã Chiềng Mai**					**698,00**	**419,00**	**-**	**279,00**	**698,00**	
2.1	Cải tạo, sửa chữa, nâng cấp cơ sở vật chất Nhà văn hóa bản Ban, xã Chiềng Mai	UBND xã Chiềng Mai	Xã Chiềng Mai	2024	Số 90/QĐ-UBND ngày 21/6/2024	418,00	239,00		179,00	418,00	
2.2	Cải tạo, sửa chữa, nâng cấp cơ sở vật chất Nhà văn hóa bản Cứp, xã Chiềng Mai	UBND xã Chiềng Mai	Xã Chiềng Mai	2024	Số 89/QĐ-UBND ngày 21/6/2024	280,00	180,00		100,00	280,00	

Ghi chú: HĐND huyện quyết nghị tại Nghị quyết số 07/NQ-HĐND ngày 20/6/2023 của HĐND huyện Mai Sơn; UBND huyện chuyển nguồn tại Quyết định số 591/QĐ-UBND ngày 25/3/2024

Phụ lục IV

ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI NĂM 2022

(Kèm theo Nghị quyết số 29/NQ-HĐND ngày 16 tháng 10 năm 2024 của HĐND huyện Mai Sơn)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Lũy kế vốn đã phân bổ		Lũy kế khối lượng hoàn thành	Kế hoạch vốn đã giải ngân hết ngày 30/9/2024	Kế hoạch vốn chưa giải ngân	Dự kiến tiếp tục giải ngân kế hoạch vốn còn	Nhu cầu vốn thiếu		Kế hoạch vốn điều chỉnh		Kế hoạch vốn sau điều chỉnh	Ghi chú
						Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó vốn NSTW					Nhu cầu vốn thiếu để hoàn thành dự án	Trong đó đã có KLHT	Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng		
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó vốn NSTW												
1	2	3	4	5	6	7	8			10	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21
	TỔNG CỘNG						**12.047,300**	**8.668,800**	**6.917,900**	**6.917,900**	**6.850,881**	**6.822,629**	**95,271**	**-**	**1.559,000**	**1.559,000**	**95,271**	**95,271**	**6.917,900**	
I	**Kế hoạch vốn năm 2022 kéo dài sang năm 2024**						**5.347,300**	**2.618,800**	**2.426,900**	**2.426,900**	**2.331,629**	**2.331,629**	**95,271**	**-**	**-**	**-**	**95,271**	**-**	**2.331,629**	
1	Đường nội bản Xà Vịt	UBND xã Nà Ớt	Xã Nà Ớt	0,39 km	2022-2024	2469 - 18/11/2022	499,600	489,400	489,400	489,400	463,262	463,262	26,138		-	-	26,138		463,262	
2	Đường nội bản Lụng Cuông	UBND xã Nà Ớt	Xã Nà Ớt	0,417 km	2022-2024	2479 - 18/11/2022	497,800	487,700	487,700	487,700	461,647	461,647	26,053		-	-	26,053		461,647	
3	Mương phai bản Liềng, Chiềng Dong	UBND xã Chiềng Dong	Xã Chiềng Dong	513 m	2022-2024	2496 - 21/11/2022	487,300	476,800	476,800	476,800	445,480	445,480	31,320		-	-	31,320		445,480	
4	Đường nội bản Nà Sang,(QL6B đến nhà ông Liên)	UBND xã Chiềng Mung	Xã Chiềng Mung	0,46 km	2022-2024	2277-20/10/2022	407,400	120,400	120,400	120,400	119,440	119,440	0,960		-	-	0,960		119,440	
5	Đường nội bản Đúc Hán,(QL6 đến nhà ông Vinh)	UBND xã Chiềng Mung	Xã Chiềng Mung	1,5 km	2022-2024	2281 - 21/10/2022	1.194,400	357,200	285,800	285,800	281,350	281,350	4,450		-	-	4,450		281,350	
6	Đường nội bản Phát (Từ nhà ông Hà Văn Sam đến nhà ông Hà Văn Hồng)	UBND xã Chiềng Mung	Xã Chiềng Mung	0,37 km	2022-2024	2282 - 21/10/2022	286,000	84,800	84,800	84,800	84,050	84,050	0,750		-	-	0,750		84,050	
7	Đường nội bản Nà Hạ 2: (Đoạn từ nhà ông Bích đến nhà ông Phanh; đoạn QL6 đến nhà văn hoá; đoạn từ nhà ông Diên đến nhà ông Chương)	UBND xã Chiềng Mung	Xã Chiềng Mung	1,3 km	2022-2024	2279 - 21/10/2022	979,000	291,500	233,200	233,200	230,450	230,450	2,750		-	-	2,750		230,450	
8	Đường nội bản Nà Hạ1 (QL6 đến nhà ông In; đoạn từ nhà ông toán đến nhà ông Hiệu; đoạn QL6 đến nhà ông Hoàn)	UBND xã Chiềng Mung	Xã Chiềng Mung	1,35 km	2022-2024	2280 - 21/10/2022	995,800	311,000	248,800	248,800	245,950	245,950	2,850		-	-	2,850		245,950	
II	**Danh mục dự án điều chỉnh tăng**						**6.700,000**	**6.050,000**	**4.491,000**	**4.491,000**	**4.519,252**	**4.491,000**	**-**	**-**	**1.559,000**	**1.559,000**	**-**	**95,271**	**4.586,271**	
1	Nhà văn hóa bản Đen	UBND xã Mường Chanh	Xã Mường Chanh	200 m2	2022-2024	2308 - 2610/2022	700,000	350,000	280,000	280,000	350,000	280,000	-		70,000	70,000		70,000	350,000	
2	Trường mầm non Chiềng Chung. Hạng mục: Nhà lớp học 6 phòng điểm trung tâm (bản Nghịu)	BQLDA ĐTXD & TĐC	Xã Chiềng Chung	6 phòng	2023-2025	1076-16/6/2023	6.000,000	5.700,000	4.211,000	4.211,000	4.169,252	4.211,000	-		1.489,000	1.489,000		25,271	4.236,271	

Ghi chú: HĐND huyện quyết nghị tại Nghị quyết số 18/NQ-HĐND ngày 22/11/2022; Nghị quyết số 07/NQ-HĐND ngày 20/6/2023 của HĐND huyện Mai Sơn; UBND các xã thực hiện chuyển nguồn theo quy định của Luật ngân sách